

Số: 3144 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục
chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài
khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1809/TTr-SKHĐT ngày 26/8/2021 và Tờ trình số 2477/TTr-SKHĐT-ĐKKD ngày 17/11/2021; kết luận cuộc họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh với các sở, ngành ngày 11/10/2021 (Thông báo số 496/TB-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng, trung tâm;
- Lưu: VT. (176Thg-26/11)

CHỦ TỊCH


Trần Tuệ Hiền

QUY CHẾ

Phối hợp giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 15 / 12 / 2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định nguyên tắc, quy chế phối hợp giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án (*sau đây gọi tắt là chấp thuận chủ trương đầu tư*) có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 trừ những dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; bao gồm:

a) Chấp thuận chủ trương đầu tư và hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án (*áp dụng đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu*).

b) Chấp thuận nhà đầu tư trong các trường hợp:

- Đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc đã tổ chức đấu giá ít nhất 02 lần không thành theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đã đăng tải Danh mục dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án trong các trường hợp:



- Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

- Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc diện phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

- Dự án đầu tư có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất thuộc diện phải có văn bản cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại các xã biên giới; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở (*để bán, cho thuê, cho thuê mua*), khu đô thị trong các trường hợp: Dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất dưới 50 ha và có quy mô dân số dưới 15.000 người tại khu vực đô thị; dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất dưới 100 ha và có quy mô dân số dưới 10.000 người tại khu vực không phải là đô thị; dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (*được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị*) của đô thị loại đặc biệt.

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (golf).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Các cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan.

c) Các nhà đầu tư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Chấp thuận chủ trương đầu tư: Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư và các cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công là đơn vị tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

2. Quan hệ phối hợp được thực hiện trên nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo trả kết quả cho tổ chức, cá nhân đúng pháp luật và thời gian quy định.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 4. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Thành phần hồ sơ (*trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, hồ sơ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập; trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ do cơ quan đã chủ trì lập quy hoạch hoặc nhà đầu tư được chấp thuận khảo sát, đề xuất dự án lập*):

a) Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu A.I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

c) Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (*nếu có*), tài liệu giải trình khác (*nếu có*) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

d) Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (*nếu có*), tài liệu giải trình khác (*nếu có*) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất. Trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành, tài liệu giải trình căn cứ pháp lý và điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ giấy gửi cho Trung tâm Phục vụ hành chính công và file lưu hồ sơ dạng tập tin PDF nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công tỉnh Bình Phước.

3. Trách nhiệm và thời gian phối hợp của các đơn vị.

Tổng thời gian giải quyết thủ tục là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cụ thể thời gian phối hợp của các đơn vị như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản và file hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công tỉnh Bình Phước lấy ý kiến thẩm định của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án.

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; cơ quan được lấy ý kiến có văn bản thẩm định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

- Sở Xây dựng: Thẩm định về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, nhà ở; mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh. Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thẩm định về điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; nhu cầu sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; sơ bộ tác động môi trường (nếu có). Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định về công nghệ sử dụng đối với dự án thuộc diện thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Thẩm định về mặt an ninh quốc phòng; an ninh khu vực biên giới.

- Các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan: Thẩm định về sự phù hợp của dự án đối với các quy hoạch, quy định quản lý nhà nước chuyên ngành; đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thẩm định về sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của cấp huyện; địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất; khả năng tác động của dự án đến môi trường xung quanh.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng quản lý chuyên môn, ý kiến thẩm định dự án của các đơn vị liên quan, lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 5. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư lập:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo Mẫu A.I.5 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 33 của Luật Đầu tư.

d) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định về công nghệ pháp luật về chuyển giao công nghệ.

đ) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

e) Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ giấy gửi cho Trung tâm Phục vụ hành chính công và file lưu hồ sơ dạng tập tin PDF nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công tỉnh Bình Phước.

3. Trách nhiệm và thời gian phối hợp của các đơn vị.

Tổng thời gian giải quyết thủ tục là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cụ thể thời gian phối hợp của các đơn vị như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm và file hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công tỉnh Bình Phước lấy ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án về các nội dung:

- Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

- Việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

- Các điều kiện khác đối với nhà đầu tư theo pháp luật có liên quan.

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản thẩm định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng quản lý chuyên môn, ý kiến thẩm định dự án của các đơn vị liên quan, lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chấp thuận nhà đầu tư.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chấp thuận nhà đầu tư và gửi cho cơ quan tổ chức đấu giá, đấu thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 6. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư lập:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 33 của Luật Đầu tư.

d) Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

đ) Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc tài liệu pháp lý về quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn bằng quyền, thuê quyền sử dụng đất đối với trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất sau đó chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.

e) Văn bản đề nghị chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp.

g) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

h) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ giấy và file lưu hồ sơ dạng tập tin PDF nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công tỉnh Bình Phước.

3. Trách nhiệm và thời gian phối hợp của các đơn vị.

Tổng thời gian giải quyết thủ tục là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trừ trường hợp phải xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc các Bộ, ngành Trung ương, cụ thể thời gian phối hợp của các đơn vị như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi file hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công tỉnh Bình Phước cho các đơn vị có liên quan để nghiên cứu; đồng thời gửi thư mời thông báo thời gian tổ chức khảo sát vị trí.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức đi khảo sát thực địa vị trí dự kiến thực hiện dự án và lập biên bản khảo sát.

c) Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày khảo sát, các cơ quan có văn bản thẩm định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

- Sở Xây dựng: Thẩm định về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng; quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, nhà ở; mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình,

kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh. Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành của Sở Xây dựng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thẩm định về nhu cầu sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều kiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp; sơ bộ tác động môi trường (nếu có). Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thẩm định về sự phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp (nếu có); các điều kiện về quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành của dự án. Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Sở Công Thương: Thẩm định sự phù hợp về mặt quy hoạch đối với các dự án sản xuất công nghiệp, dự án thương mại; các điều kiện về quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành của dự án. Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Sở Giao thông vận tải: Thẩm định về sự phù hợp với quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành của dự án.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định về công nghệ sử dụng đối với dự án thuộc diện thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Thẩm định về mặt an ninh quốc phòng; an ninh khu vực biên giới.

- Các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan: Thẩm định về sự phù hợp của dự án đối với các quy hoạch, quy định quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thẩm định về sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của cấp huyện; địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất, tính pháp lý về quyền sử dụng đất; khả năng tác động của dự án đến môi trường xung quanh.

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng quản lý chuyên môn, ý kiến thẩm định dự án của các đơn vị, lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Đối với các dự án cần xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban



Thường vụ Tỉnh ủy:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án. Trường hợp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy không thống nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để phúc đáp cho nhà đầu tư.

g) Đối với các dự án phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương.

- Đối với dự án đầu tư nước ngoài tại các xã biên giới: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

- Đối với dự án đầu tư trong nước: Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định phải lấy ý kiến của Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng thì Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh lấy ý theo quy định và gửi ý kiến thẩm định về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

h) Đối với các trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư nhưng không làm thay đổi vị trí hoặc không tăng diện tích đất, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các đơn vị mà không tổ chức khảo sát thực địa. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm gửi văn bản thẩm định về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Chương III **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 7. Khen thưởng

1. Cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt Quy chế này, có sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, tăng năng suất, hiệu quả công việc, thường xuyên giải quyết công việc đảm bảo nội dung và hoàn thành trước thời hạn quy định thì được xem xét khen thưởng.

2. Quy trình và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức không thực hiện tốt hoặc vi phạm Quy chế này (về thời hạn giải quyết, thẩm định không đầy đủ nội dung; không thể hiện rõ quan điểm đồng ý hay không đồng ý về chủ trương đầu tư dự án), tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xem xét, xử lý như sau:

a) Phê bình, kiểm điểm: Trong trường hợp do không thực hiện tốt hoặc vi phạm Quy chế này mà nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc giải quyết hồ sơ trễ hạn thì cơ quan, đơn vị đó phải có văn bản xin lỗi. Việc xin lỗi được thực hiện theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị phê bình, kiểm điểm mà tái phạm (*trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có hành vi bị kiểm điểm mà lại vi phạm hành vi đó*) thì bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật mà tiếp tục vi phạm thì bị xử lý kỷ luật cao hơn một mức so với hình thức kỷ luật đã xử lý và phải chuyển công tác khác.

2. Cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị xử lý kỷ luật mà tiếp tục vi phạm thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó phải bị xem xét xử lý theo quy định.

3. Quy trình, hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện nghiêm Quy chế này.

2. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Quy chế của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng, xử lý kỷ luật theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Có trách nhiệm theo dõi, giám sát, truy xuất báo cáo tình hình phối hợp thực hiện của các đơn vị.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trực tiếp tham gia hoặc ủy quyền cho lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn tham gia phối hợp khảo sát thực địa vị trí khu đất nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án. Khi ký ban hành văn bản thẩm định dự án phải thẩm định đầy đủ các nội dung theo Quy chế này; đồng thời thể hiện rõ quan điểm thống nhất hay không thống nhất cho nhà đầu tư thực hiện dự án, tuyệt đối không nêu ý kiến chung chung hoặc đẩy trách nhiệm cho đơn vị khác.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung văn bản thẩm định.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung; các đơn vị gửi văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung theo quy định./.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền
Trần Tuệ Hiền

